

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam An

Ngày 02 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tẻ	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo thịt bò nấu bí ngô
Trứng vịt lộn đảo bông hành		Cháo thịt bò nấu bí ngô	
Cải thảo xào tôm			
Canh cải thịt vịt			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	178	20,000	3,560,000	
2	CƠM NHÀ TRÉ	47	20,000	940,000	
	TỔNG	225		4,500,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	Mẫu giáo		Nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo tẻ	21000	17.9	375900	3	63000	20.9	438900
2	Trứng vịt	70000	4.1	287000	0.5	35000	4.6	322000
3	Thịt mỡ	140000	5.2	728000	0.6	84000	5.8	812000
4	Cải thảo	20000	5.3	106000	0.4	8000	5.7	114000
5	Tôm	290000	1.7	493000	0.3	87000	2	580000
6	Cải ngọt	25000	3.5	87500	0.5	12500	4	100000
7	Thịt vịt	95000	2.5	237500	0.3	28500	2.8	266000
8	Thịt bò	285000	0.9	256500	1.3	370500	2.2	627000
9	Bí ngô	20000	1.6	32000	0.3	6000	1.9	38000
10	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
11	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
12	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
13	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.8	208000	3.8	988000
14	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.3	22500	1.7	127500

15	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
16	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
17	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
18	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3559850		939250		4499100

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,500,000
- Số tiền đã chi: 4499100
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 900

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam Nghĩa

Ngày 02 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo thịt bò nấu bí ngô
Trứng vịt, thịt lợn đảo bông hành		Cháo thịt bò nấu bí ngô	
Cải thảo xào tôm			
Canh cải thịt vịt			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	176	20,000	3,520,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	61	20,000	1,220,000	
	TỔNG	237		4,740,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	17.8	373800	4	84000	21.8	457800
2	Trứng vịt	70000	4	280000	0.9	63000	4.9	343000
3	Thịt mỡ	140000	5	700000	1	140000	6	840000
4	Cải thảo	20000	5.2	104000	0.4	8000	5.6	112000
5	Tôm	290000	1.7	493000	0.3	87000	2	580000
6	Cải ngọt	25000	3.5	87500	0.5	12500	4	100000
7	Thịt vịt	95000	2.5	237500	0.5	47500	3	285000
8	Thịt bò	285000	0.9	256500	1.6	456000	2.5	712500
9	Bí ngô	20000	1.6	32000	0.5	10000	2.1	42000
10	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.01	400	0.09	3600
11	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000

12	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
13	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	1	260000	4	1040000
14	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.5	37500	1.9	142500
15	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
16	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
17	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
18	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3520750		1220350		4741100

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,740,000
- Số tiền đã chi: 4741100
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -1,100